

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Số 5 Ngõ 238/2 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 3763 4618 Fax: 024 3763 4617

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	07 - 36
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Tổng số cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021 là: 68 người

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...).

Cấu trúc Công ty

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh tại huyện Chi Lăng	Khu Thống nhất 1, Thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Hữu Lũng	Khu An Ninh, Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bình Gia	Khu III, Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Tràng Định	Khu II, Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Đình Lập	Khu I, Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Lộc Bình	Số 142, Phố Bờ Sông, Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bắc Sơn	Tiểu khu Lương Văn Chi, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Lãng	Khu I, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Thành phố Lạng Sơn	Số 206, Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Quan	Phố Đức Tâm II, Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Chi nhánh tại Hà Nội
CN DL và TM Lạng Sơn

Số 475, Đường Ngọc Lâm, P.Ngọc Lâm, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
Số 209, Đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Tp.Lạng Sơn.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
Ông Đinh Văn Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03/12/2021
Ông Lâm Phi Khanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/12/2021
Ông Ngô Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
Ông Đặng Trung Lập	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03/12/2021

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính gồm:

Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020

Ban Kiểm soát

Ông Đào Văn Mạnh	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
Ông Lục Văn Đồng	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 03/12/2021
Bà Vy Thị Vân	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 02/07/2020
Bà Hoàng Minh Thiện	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 03/12/2021

Kế toán trưởng

Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng
-------------------	----------------

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (SVA).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các quy định hiện hành của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN



Đặng Trung Lập
Tổng Giám đốc

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

Trụ sở: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-28) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn
Văn phòng tại Hà Nội: Số 41, ngõ 62 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

Số: 12A-2022/BCKIT/LATRACO-SVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SON

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được lập ngày 25/04/2022, gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm lũy kế 31/12/2021 Công ty chưa tính trích dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu khác là lãi trả chậm là 30,9 tỷ đồng. Nếu đơn vị hạch toán bổ sung khoản trích dự phòng này vào thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm một khoản tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không nhận được biên bản đối chiếu công nợ, theo đó các giá trị và tỷ lệ còn chưa được đối chiếu như sau: Phải thu khách hàng chiếm 95% tương ứng khoảng 70,5 tỷ đồng; Phải thu khác chiếm 99% tương ứng khoảng 31,7 tỷ đồng; Bằng các tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán bổ sung và thay thế khác để xác định được tính chính xác về giá trị của khoản công nợ nói trên, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như trình bày tại thuyết minh số V.2, với số dư nợ là 14.474.560.000 đồng và thuyết minh V.4, số dư là 12.506.216.335 đồng, đây là hai khoản phải thu với bên liên quan là thành viên HĐQT của Công ty đang là đại diện Giám đốc Công ty TNHH Lâm Sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN).

Như đã nêu tại thuyết minh số VI.9 "Lãi trả chậm" cho thấy tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2021 Công ty ghi nhận vào thu nhập khác khoản lãi trả chậm do vi phạm điều khoản hợp đồng của Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN) giá trị khoảng 2,6 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn với giá trị khoảng 5,7 tỷ đồng. Tuy nhiên việc có thể thu hồi các khoản này là thấp bởi trong năm 2021 Công ty đã khởi kiện các khách hàng này ra tòa án nhân dân nơi đóng trụ sở chính của các đối tượng này. Đơn khởi kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đang trong giai đoạn chuẩn bị đưa ra xét xử sơ thẩm.

Như trình bày tại thuyết minh số V.2 và thuyết minh V.4, trong năm 2021 Công ty đã khởi kiện Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn lên Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội yêu cầu thanh toán toàn bộ gốc và lãi với tổng số tiền là 54.435.561.791 đồng (trong đó nợ gốc là 42.580.864.536 đồng và lãi chậm thanh toán là 11.854.697.255 đồng) và khởi kiện Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN (nay là Công ty TNHH Lâm sản Thành An) lên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn do chậm thanh toán theo điều khoản hợp đồng, tổng giá trị yêu cầu là 24.699.886.635 đồng (trong đó nợ gốc là 14.869.560.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 9.830.326.635 đồng). Đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử sơ thẩm các khởi kiện này.

Lỗ lũy kể đến 31/12/2021 khoảng 14,713 tỷ đồng và nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 6,076 tỷ đồng, cùng với nợ ngắn hạn chiếm 81,43% tổng tài sản, những yếu tố này cho thấy có sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



Nguyễn Phương Lan Anh

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

0673-2018-107-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

Nguyễn Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

2325-2019-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VND

Stt	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		59.944.731.875	75.074.120.062
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.561.134.352	1.573.144.820
1	Tiền	111		4.561.134.352	1.573.144.820
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.685.680.301	54.837.365.157
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	74.111.855.942	80.454.346.707
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	90.500.000	159.249.930
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	32.185.318.302	22.523.791.491
4	Dự phòng các khoản phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(64.701.993.943)	(48.300.022.971)
IV	Hàng tồn kho	140		12.642.160.684	18.227.784.156
1	Hàng tồn kho	141	V.6	12.642.160.684	18.227.784.156
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.055.756.538	435.825.929
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		26.956.668	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.694.493	55.441.252
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.7	1.008.105.377	380.384.677
B	Tài sản dài hạn	200		21.198.673.699	26.430.060.485
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		19.463.501.214	24.348.507.565
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	19.423.501.214	22.604.827.427
-	- Nguyên giá	222		32.838.954.898	35.650.575.208
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.415.453.684)	(13.045.747.781)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	40.000.000	1.743.680.138
-	- Nguyên giá	228		200.000.000	2.657.948.500
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(914.268.362)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	154.545.455	154.545.455
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154.545.455	154.545.455
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1.580.627.030	1.927.007.465
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	780.627.030	1.127.007.465
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.12	800.000.000	800.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		81.143.405.574	101.504.180.547

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Nợ phải trả	300		75.842.865.209	104.629.180.587
I	Nợ ngắn hạn	310		66.021.138.474	92.702.964.613
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	987.006.243	8.230.356.428
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	54.545.455	178.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	980.943.618	1.825.883.768
4	Phải trả người lao động	314		629.397.513	209.817.809
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.170.438.690	696.152.567
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	362.650.181	372.029.395
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	663.167.612	678.697.645
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	57.122.577.185	80.461.615.024
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.411.977	50.411.977
II	Nợ dài hạn	330		9.821.726.735	11.926.215.974
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	814.201.222	1.795.323.528
2	Phải trả dài hạn khác	337	V.21	9.007.525.513	9.655.040.780
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	-	475.851.666
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		5.300.540.365	(3.125.000.040)
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.23	5.300.540.365	(3.125.000.040)
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.814.406.927	4.814.406.927
3	Lợi nhuận chưa phân phối	421		(14.713.672.756)	(23.139.213.161)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(23.139.213.161)	(1.141.822.613)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.425.540.405	(21.997.390.548)
4	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		199.806.194	199.806.194
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		81.143.405.574	101.504.180.547

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2022

Nông Kim Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2021

Mẫu số: B02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.127.672.434	180.933.320.669
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	106.127.672.434	180.933.320.669
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	93.330.351.028	164.464.893.294
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.797.321.406	16.468.427.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	56.311.955	59.214.226
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.810.812.782	6.701.435.581
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.542.341.982	6.701.435.581
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	3.197.322.108	3.067.411.566
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VI.7	24.059.230.115	38.210.171.388
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.213.731.644)	(31.451.376.934)
11. Thu nhập khác	31		32.042.814.917	9.459.502.283
12. Chi phí khác	32		403.542.868	5.515.897
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	31.639.272.049	9.453.986.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.425.540.405	(21.997.390.548)
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.425.540.405	(21.997.390.548)
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.10	5.617	(14.665)

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Nông Kim Tiến

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.425.540.405	(21.997.390.548)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.262.178.168	1.652.129.374
- Các khoản dự phòng	03	16.401.970.972	29.630.338.831
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.568.023.120)	(59.577.862)
- Chi phí lãi vay	06	7.542.341.982	6.701.435.581
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	12.064.008.407	15.926.935.376
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.843.260.057)	(6.412.269.237)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.585.623.472	836.678.694
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập DN phải nộp)	11	(9.446.197.871)	1.885.080.318
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	319.423.767	228.943.897
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.726.387.250)	(6.864.175.053)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(628.028.886)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(81.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.325.181.582	5.519.653.995
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.863.074.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	25.421.385.500	363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.311.955	59.214.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.477.697.455	(1.803.496.683)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	52.971.600.000	229.667.423.165

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Mẫu số: B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(76.786.489.505)	(239.303.361.928)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.814.889.505)	(9.635.938.763)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.987.989.532	(5.919.781.451)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.573.144.820	7.492.926.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.561.134.352	1.573.144.820

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Nông Kim Tiến

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1) Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Tổng số cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021 là: 68 người

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường

2) Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chế độ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trong năm tài chính Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành.

Chúng tôi tuyên bố tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

Chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: $\text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng xuất trong kỳ}$.

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc lớn hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Tài sản cố định và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi chép theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	06 - 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá tham chiếu đối với các loại chứng khoán:

Đối với chứng khoán niêm yết:

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết:

Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) Công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Trường hợp không thể xác định được giá trị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Nguồn vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu khi thực nhận vốn góp.

Ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn hoặc đầu tư.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo các quy định hiện hành.

Các nghĩa vụ về thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ hoàn tất khi có cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các bên có liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.357.936.562	884.303.132
Tiền mặt VND	1.357.936.562	884.303.132
Tiền gửi ngân hàng	3.203.197.790	688.841.688
Tiền gửi ngân hàng VND	3.197.023.074	682.666.972
Tiền gửi ngân hàng USD	6.174.716	6.174.716
Cộng	4.561.134.352	1.573.144.820

V.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc sơn Hà Nội (*)	42.401.864.536	42.580.864.536
Công ty CP Thép Sông Hồng	3.130.856.500	3.130.856.500
Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN (Cty TNHH Lâm sản Thành An) (**)	14.474.560.000	14.869.560.000
Hợp tác xã Thăng Long	5.781.460.988	5.781.460.988
Công ty CP HS F & A CONSULTANT Việt Nam	4.365.369.080	7.825.333.305
Phòng Kinh tế huyện Văn Quan	398.621.000	1.389.728.840
Đối tượng khác	3.559.123.838	4.876.542.538
Cộng	74.111.855.942	80.454.346.707

(*) Ngày 17/05/2021 Công ty khởi kiện vụ án dân sự Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn lên Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn do chậm thanh toán theo điều khoản hợp đồng, tổng giá trị yêu cầu là 54.435.561.791 đồng (trong đó nợ gốc là 42.580.864.536 đồng và lãi chậm thanh toán là 11.854.697.255 đồng). Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã thụ lý đơn số 21/2021/TLST-DS ngày 06/07/2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Đến ngày 27/10/2021 TAND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-KDTM, do nhận được Công văn số 743/VPCQCSĐT ngày 26/07/2021 và Công văn số 766/VPCQCSĐT ngày 03/08/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nghiên cứu, xem xét về việc tạm đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn đối với Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn về việc ký hợp đồng kinh tế, mua bán thép.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(**) Ngày 30/03/2021 Công ty khởi kiện vụ án dân sự Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN (nay là Công ty TNHH Lâm sản Thành An) lên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi quá hạn do chậm thanh toán theo điều khoản hợp đồng, tổng giá trị yêu cầu là 24.699.886.635 đồng (trong đó nợ gốc là 14.869.560.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 9.830.326.635 đồng). Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý đơn số 03/2021/TB-TLVA ngày 14/05/2021 về "Tranh chấp hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ rừng trồng đối với điều khoản thanh toán hợp đồng". Đến ngày 05/01/2022 TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2022/QĐST-KDTM, do ngày 09/12/2021 nhận được văn bản số 1232/VPCQCSĐT ngày 25/11/2021 về việc trao đổi kết quả xác minh tố giác liên quan đến Công ty đính kèm theo Quyết định số 31/VPCQCSĐT ngày 14/10/2021 về việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn; văn bản có nội dung Cơ quan cảnh sát điều tra đã quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác của ông Lục Văn Đồng theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự và chưa ra quyết định kết thúc xác minh tố giác nên chưa có căn cứ để cung cấp các tài liệu liên quan đến đối tượng đang giải quyết tranh chấp cho Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ.

V.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt	30.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt - CN Hà Nội	60.500.000	19.250.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hà Sơn	-	139.999.930
Cộng	90.500.000	159.249.930

V.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cầm cố, ký quỹ	350.776.065	339.700.731
Phải thu khác	31.834.542.237	22.184.090.760
Thuế TNCN	10.891.722	10.891.722
BHXXH, BHYT, BHTN	-	61.726.177
Lãi trả chậm, trong đó:	31.612.925.331	22.087.687.686
Cty TNHH Lâm Sản Woodman - Công ty TNHH Lâm Sản Thành An (lãi tính phạt hợp đồng) (*)	12.506.216.335	9.830.326.635
Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn (lãi tính phạt hợp đồng) (**)	17.585.348.497	11.854.697.271
Công ty CP HS F&A CONSULTANT Việt Nam	337.910.412	-
Hợp tác xã Thăng Long	1.183.450.087	402.663.780
Nguyễn Mạnh Cường	21.000.000	21.000.000
Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng	66.350.000	-
Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn	81.217.480	-
Thuế vãng lai	-	-
Phải thu khác	42.157.704	2.785.175
Cộng	32.185.318.302	22.523.791.491

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(*) Ngày 30/03/2021 Công ty khởi kiện vụ án dân sự Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN (nay là Công ty TNHH Lâm sản Thành An) lên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán là 9.830.326.635 đồng. Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý đơn số 03/2021/TB-TLVA ngày 14/05/2021 về "Tranh chấp hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ rừng trồng đối với điều khoản thanh toán hợp đồng". Đến ngày 05/01/2022 TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2022/QĐST-KDTM, do ngày 09/12/2021 nhận được văn bản số 1232/VPCQCSĐT ngày 25/11/2021 về việc trao đổi kết quả xác minh tố giác liên quan đến Công ty đính kèm theo Quyết định số 31/VPCQCSĐT ngày 14/10/2021 về việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn; văn bản có nội dung Cơ quan cảnh sát điều tra đã quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác của ông Lục Văn Đồng theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự và chưa ra quyết định kết thúc xác minh tố giác nên chưa có căn cứ để cung cấp các tài liệu liên quan đến đối tượng đang giải quyết tranh chấp cho Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ.

(**) Ngày 17/05/2021 Công ty khởi kiện vụ án dân sự Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn lên Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, yêu cầu thanh toán lãi quá hạn do chậm thanh toán theo điều khoản hợp đồng là 11.854.697.255 đồng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã thụ lý đơn số 21/2021/TLST-DS ngày 06/07/2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Đến ngày 27/10/2021 TAND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐST-KDTM, do nhận được Công văn số 743/VPCQCSĐT ngày 26/07/2021 và Công văn số 766/VPCQCSĐT ngày 03/08/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nghiên cứu, xem xét về việc tạm đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn đối với Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn về việc ký hợp đồng kinh tế, mua bán thép.

V.5. Nợ xấu (Phụ lục 05 trang 36)**V.6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.500.679.637	-	2.055.881.453	-
- Rượu	1.101.402.137	-	1.611.273.953	-
- Vải	399.277.500	-	444.607.500	-
Thành Phẩm	409.350.260	-	409.350.260	-
- Rượu	409.350.260	-	409.350.260	-
Hàng hóa	10.732.130.787	-	15.762.552.443	-
- Trục Cán	184.875.000	-	184.875.000	-
- Thức ăn chăn nuôi	-	-	2.841.600.000	-
- Thép	118.096.750	-	244.816.000	-
- Gạch đặc	95.096.000	-	131.156.000	-
- Cát Vàng	-	-	20.140.000	-
- Xi măng	518.920.000	-	941.136.366	-
- Xăng dầu	2.654.806.035	-	1.867.415.188	-
- Máy Nông nghiệp	1.372.467.305	-	1.615.392.498	-
- Chăn ga gối đệm	-	-	1.956.158.837	-
- Các loại máy nén khí	218.652.000	-	209.417.000	-
- Phụ kiện hệ thống nước	1.932.573.477	-	1.430.050.054	-
- Hàng điện dân dụng	3.013.195.735	-	4.173.193.966	-
- Hàng hóa khác	623.448.485	-	147.201.534	-
			-	
Cộng	12.642.160.684	-	18.227.784.156	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

V.7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	628.028.886	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	380.076.491	380.384.677
Cộng	1.008.105.377	380.384.677

V.08. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 trang 29)**V.09. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.457.948.500	200.000.000	2.657.948.500
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	(2.457.948.500)	-	(2.457.948.500)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.457.948.500)	-	(2.457.948.500)
Số dư cuối năm	-	200.000.000	200.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	764.268.362	150.000.000	914.268.362
Số tăng trong năm	-	10.000.000	10.000.000
- Khấu hao trong năm	-	10.000.000	10.000.000
Số giảm trong năm	764.268.362	-	764.268.362
- Thanh lý, nhượng bán	764.268.362	-	764.268.362
Số dư cuối năm	-	160.000.000	160.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.693.680.138	50.000.000	1.743.680.138
Tại ngày cuối năm	-	40.000.000	40.000.000

V.10. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	154.545.455	154.545.455
Tổ hợp Dịch vụ Thương mại Lạng Sơn 208 Trần Đăng Ninh	154.545.455	154.545.455
Cộng	154.545.455	154.545.455

V.11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cơ sở hạ tầng	769.484.800	817.577.600
Chi phí đăng ký tài sản trên đất	-	286.846.152
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	-	10.016.713
Số còn phải phân bổ cuối năm	780.627.030	1.127.007.465

V.12. Tài sản dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	800.000.000	800.000.000
Cộng	800.000.000	800.000.000

(*) Là khoản ký cược, ký quỹ du lịch tại Vietinbank - Chi nhánh Lạng Sơn cho hoạt động kinh doanh lữ hành du lịch theo quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh Lữ hành Quốc tế số tiền 500 triệu đồng.

(*) Hợp đồng tiền gửi ký quỹ số 01/2018/704681/HĐKQ-BIDV giữa Công ty CP Thương mại Lạng Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, về việc mở tài khoản ký quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước đối với doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm, số tiền ký quỹ là 300 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng lãi suất 6,5%/năm thời gian phong tỏa từ ngày 09/01/2018.

V.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV KCF	28.050.000	28.050.000	28.050.000	28.050.000
Công ty CP HS F&A Consultant Việt Nam	22.177.490	22.177.490	-	-
Công ty TNHH MTV Thuận phát Hải Dương	-	-	3.459.964.225	3.459.964.225
Công ty TNHH Thương Mại và đầu tư Vĩnh An	-	-	2.841.600.000	2.841.600.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao	-	-	36.000.000	36.000.000
Công ty CP TM XNK Thành Lợi	-	-	20.424.000	20.424.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	10.923.701	10.923.701	18.901.312	18.901.312
Công ty TNHH MTV Việt Hoàng	-	-	171.617.400	171.617.400
Công ty TNHH Thiên An	-	-	216.550.200	216.550.200
Công ty CP TMDV Tân Minh	909.105.152	909.105.152	969.473.431	969.473.431
Đối tượng khác	16.749.900	16.749.900	467.775.860	467.775.860
Cộng	987.006.243	987.006.243	8.230.356.428	8.230.356.428

V.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty HNC FLOOR	-	-	32.000.000	32.000.000
Hoàng Thị Nhung	-	-	9.000.000	9.000.000
Dương Thời Sáu	-	-	9.000.000	9.000.000
Trần Văn Lịch	-	-	33.000.000	33.000.000
Nguyễn Thành Trung	-	-	15.000.000	15.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Nông Thị Giang	54.545.455	54.545.455	80.000.000	80.000.000
----------------	------------	------------	------------	------------

Cộng	54.545.455	54.545.455	178.000.000	178.000.000
-------------	-------------------	-------------------	--------------------	--------------------

V.15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	476.630.696	3.760.451.007	3.313.998.577	923.083.126
Thuế thu nhập cá nhân	18.541.147	-	4.791.150	13.749.997
Tiền thuê đất	1.330.711.925	1.168.603.303	2.455.204.733	44.110.495
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Các loại thuế phi khác	-	5.639.095	5.639.095	-
Cộng	1.825.883.768	4.948.693.405	5.793.633.555	980.943.618

V.16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí mua ngoài	60.000.000	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	5.110.438.690	670.152.567
Trích trước chi phí vận chuyển hàng hóa	-	26.000.000
Cộng	5.170.438.690	696.152.567

V.17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	362.650.181	372.029.395
Cộng	362.650.181	372.029.395

V.18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	206.812
Bảo hiểm xã hội	158.804.126	118.580.903
Bảo hiểm y tế	-	465.327
Bảo hiểm thất nghiệp	-	206.812
Phải trả khác	504.363.486	559.237.791
Nguyễn Văn Hưng (Đặt cọc thuê Phòng)	-	25.000.000
Nộp NSNN do vi phạm pháp luật thuế GTGT	403.983.486	403.983.486
Công ty Cổ phần Thành Lê Lạng Sơn (5%) bảo hành công trình	100.000.000	100.000.000
Phải trả khác	380.000	30.254.305
Cộng	663.167.612	678.697.645

V.19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Phụ lục số 02 trang 30 và 32)**V.20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	814.201.222	1.795.323.528

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Cộng	814.201.222	1.795.323.528
-------------	--------------------	----------------------

V.21. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đào Văn Mạnh (Huy động vốn các cá nhân CN TP)	2.000.000.000	2.000.000.000
Ông Hoàng Hải Anh	3.404.598.088	3.404.598.388
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	-	276.550.000
Dương Kim Dân	-	1.019.228.039
Trịnh Tuyết Minh	1.850.981.700	1.090.981.700
Nguyễn Thị Thanh Vân	540.756.248	540.756.248
Nguyễn Văn Anh	330.445.221	330.445.221
Nguyễn Thị Hào	534.488.655	534.488.655
Nguyễn Thu Hằng	346.255.601	346.255.601
Nguyễn Thị Mẫn	-	111.736.928
Cộng	9.007.525.513	9.655.040.780

V.22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Phụ lục số 03 trang 33)**V.23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04 trang 34)****b. Chi tiết góp vốn**

	Tỷ lệ % Cuối năm	Số cuối năm	Tỷ lệ % đầu năm	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng		15.000.000.000		15.000.000.000
Ông Đặng Trung Lập	7%	1.008.000.000	7%	1.008.000.000
Ông Lâm Phi Khanh	7%	1.051.000.000	7%	1.051.000.000
Ông Lý Xuân Thanh	24%	3.550.000.000	24%	3.550.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	6%	835.500.000	6%	835.500.000
Ông Ngô Huy	5%	772.500.000	5%	772.500.000
Ông Lục Văn Đồng	3%	517.000.000	3%	517.000.000
Ông Đinh Văn Thành	9%	1.323.000.000	9%	1.323.000.000
Bà Hương Thanh Tâm	5%	764.000.000	5,1%	764.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	4%	545.000.000	4%	545.000.000
Bà Ma Thị Xuyên	0%	47.000.000	0%	47.000.000
Đặng Hoàng Tâm	8%	1.270.690.000	8%	1.205.690.000
Bé Văn Táo	5%	768.500.000	5%	768.500.000
Đinh Thị Kim Yến	1%	198.000.000	1%	198.000.000
Vi Thị Vân	6%	828.900.000	6%	828.900.000
Các đối tượng khác	10%	1.520.910.000	11%	1.585.910.000
Cộng	100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

V.24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**24.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	258,25	271,45

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.127.672.434	180.933.320.669
Cộng	106.127.672.434	180.933.320.669

VI.2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	106.127.672.434	180.933.320.669
Cộng	106.127.672.434	180.933.320.669

VI.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.330.351.028	164.464.893.294
Cộng	93.330.351.028	164.464.893.294

VI.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.311.955	59.214.226
Cộng	56.311.955	59.214.226

VI.5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.542.341.982	6.701.435.581
Chiết khấu thanh toán	1.268.470.800	-
Cộng	8.810.812.782	6.701.435.581

VI.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.687.400.523	1.117.550.415
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	1.062.400.242
Thuế, phí, lệ phí	549.862.639	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	797.182.600	-
Chi phí khác bằng tiền	162.876.346	887.460.909
Cộng	3.197.322.108	3.067.411.566

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

VI.7. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	12.800.000
Chi phí công cụ dụng cụ	888.770	137.476.104
Chi phí nhân công	3.871.581.580	4.477.316.711
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.211.347.816	589.729.132
Thuế, phí, lệ phí	345.863.316	1.442.301.464
Chi phí dự phòng	13.497.805.715	29.630.338.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.300.414	139.811.736
Chi phí khác bằng tiền	4.877.442.504	1.780.397.410
Cộng	24.059.230.115	38.210.171.388

VI.8. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	32.042.814.917	9.459.502.283
Giá trị thanh lý TSCĐ	21.798.557.317	363.636
TT Phát triển Quỹ đất Bắc sơn (đền bù tại Bắc Sơn)	33.743.000	-
Xử lý các khoản phải thu (các hộ nhận khoán)	-	79.764.485
Nguyễn Thị Thu Nga	276.550.000	-
Thu nhập dự phòng thu hồi được	395.000.000	324.633.031
Lãi phạt khó đòi	9.525.237.644	8.348.125.307
Lãi phạt phải thu Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN	2.675.889.700	2.746.834.480
Lãi phạt phải thu Công ty CP Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn	5.730.651.226	5.198.627.047
Lãi phạt phải thu Hợp tác xã Thăng Long	780.786.306	402.663.780
Lãi phát sinh do thanh toán chậm 2021-Công ty CP HS & FA	337.910.412	-
Thu nhập phải trả khác không phải trả theo thư xác nhận	-	676.316.000
Thu nhập khác	13.726.956	30.299.824
Chi phí khác	403.542.868	5.515.897
Các khoản phạt hành chính, thuế	74.084.568	5.339.898
Chi phí dịch vụ tư vấn xin cấp giấy chứng CN Gia lâm Giá trị phân bổ trả trước còn lại khi thanh lý TS	286.846.152	-
Án phí TAND thành phố Lạng Sơn	28.925.000	-
Chi phí khác	13.687.148	-
Cộng	31.639.272.049	9.453.986.386

VI.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	8.425.540.405	(21.997.390.548)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)+(4)	76.236.234	5.515.897
Các khoản điều chỉnh tăng (3)	76.236.234	5.515.897
Các khoản xử lý nhỏ lẻ	2.151.666	175.999
Các khoản phạt hành chính thuế	74.084.568	5.339.898
Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	-
Chuyển Lỗ các năm trước (5)	8.530.701.639	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm (6) = (1)+(2)-(5)	(28.925.000)	(21.991.874.651)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành.(7)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.(8)

Lợi nhuận sau thuế TNDN (9) = (1) - (7) - (8)**8.425.540.405****(21.997.390.548)****VI.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.425.540.405	(21.997.390.548)
LN hoặc lỗ PB cho CĐ hiện hữu sở hữu CPPT	8.425.540.405	(21.997.390.548)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.617	(14.665)

VI.11. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	12.800.000
Chi phí công cụ dụng cụ	888.770	137.476.104
Chi phí nhân công	5.558.982.103	5.594.867.126
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.211.347.816	1.652.129.374
Thuế, phí, lệ phí	895.725.955	1.442.301.464
Chi phí dự phòng	13.497.805.715	29.630.338.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.483.014	139.811.736
Chi phí khác bằng tiền	5.040.318.850	2.667.858.319
Cộng	27.256.552.223	41.277.582.954

VI.12. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Giá trị nhận nợ vay không phát sinh qua khoản mục tiền tệ	Số tiền (VND)
Nhận nợ vay thanh toán phải trả khách hàng	76.786.489.505
Số tiền đi vay thực thu trong năm	Số tiền (VND)
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	52.971.600.000

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như

Thu nhập ban Hội đồng quản trị ban Tổng Giám đốc và thành viên BKS, kế toán trưởng phụ lục 06 trang 37

Giao dịch với các bên liên quan**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)

Bên liên quan của Thành viên HĐQT

Giao dịch với bên liên quan

	<u>Nội dung</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)	Lãi trả chậm	2.675.889.700	2.746.834.480

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phải thu của bên liên quan khác	Tài khoản	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Lâm sản Thành An	1388	12.506.216.335	9.830.326.635
Công ty TNHH Lâm sản Thành An	131	14.474.560.000	14.869.560.000

VIII. Thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

IX. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

X. Điều chỉnh hồi tố

Điều chỉnh giảm trích dự phòng phải thu khó đòi năm 2020 của Công ty Hợp tác xã Thăng Long giảm số tiền 2.890.730.494 đồng. Báo cáo tài chính năm 2020 được điều chỉnh hồi tố một số nội dung sau:

Chỉ tiêu	Mã số TT200	Trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1 Tài sản ngắn hạn	100	72.183.389.568	2.890.730.494	75.074.120.062
2 Các khoản phải thu ngắn hạn	130	51.946.634.663	2.890.730.494	54.837.365.157
3 Dự phòng phải thu khó đòi	137	(51.190.753.465)	2.890.730.494	(48.300.022.971)
4 Tổng tài sản	270	98.613.450.053	2.890.730.494	101.504.180.547
5 Lợi nhuận chưa PP	421	(26.029.943.655)	2.890.730.494	(23.139.213.161)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Chi phí quản lý	25	41.100.901.882	(2.890.730.494)	38.210.171.388
3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(24.888.121.042)	2.890.730.494	(21.997.390.548)
4 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(24.888.121.042)	2.890.730.494	(21.997.390.548)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
1 Lợi nhuận trước thuế	01	(24.888.121.042)	2.890.730.494	(21.997.390.548)
2 Các khoản dự phòng	03	32.521.069.325	(2.890.730.494)	29.630.338.831

Tổng Giám đốc**Kế toán trưởng****Đặng Trung Lập**

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2022

Nông Kim Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 01: Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	33.569.145.733	765.398.036	1.238.531.439	77.500.000	35.650.575.208
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(2.811.620.310)	-	-	-	(2.811.620.310)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.811.620.310)	-	-	-	(2.811.620.310)
Số dư cuối năm	30.757.525.423	765.398.036	1.238.531.439	77.500.000	32.838.954.898
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.426.482.053	765.398.036	815.831.978	38.035.714	13.045.747.781
Số tăng trong năm	1.151.452.832	-	92.225.336	8.500.000	1.252.178.168
- Khấu hao trong năm	1.151.452.832	-	92.225.336	8.500.000	1.252.178.168
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(882.472.265)	-	-	-	(882.472.265)
- Giảm điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(882.472.265)	-	-	-	(882.472.265)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.695.462.620	765.398.036	908.057.314	46.535.714	13.415.453.684
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	22.142.663.680	-	422.699.461	39.464.286	22.604.827.427
Tại ngày cuối năm	19.062.062.803	-	330.474.125	30.964.286	19.423.501.214

Ghi

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý

18.605.769.019 VND

3.976.657.341 VND

- VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng VNĐ	54.737.075.519	54.737.075.519	35.646.600.000	45.105.039.505	64.195.515.024	64.195.515.024	
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	36.576.623.910	36.576.623.910	-	3.422.971.114	39.999.595.024	39.999.595.024	
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (**)	18.160.451.609	18.160.451.609	35.646.600.000	41.682.068.391	24.195.920.000	24.195.920.000	
Vay cá nhân	1.909.650.000	1.909.650.000	17.325.000.000	30.661.450.000	15.246.100.000	15.246.100.000	
Vi Thùy Trang	-	-	14.585.000.000	20.585.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	
Lý Thị Phụng	-	-	480.000.000	480.000.000	-	-	
Hoàng Hoài Vũ	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
Đặng Thị Lê	-	-	50.000.000	3.355.000.000	3.305.000.000	3.305.000.000	
Hoàng Hữu An (1)	1.909.650.000	1.909.650.000	2.210.000.000	4.241.450.000	3.941.100.000	3.941.100.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả VNĐ	475.851.666	475.851.666	475.851.666	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (***)	475.851.666	475.851.666	475.851.666	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000	
Cộng	57.122.577.185	57.122.577.185	53.447.451.666	76.786.489.505	80.461.615.024	80.461.615.024	

(*) Hợp đồng cho vay hạn mức số 0903/2020-HĐCVHM/NHCT200-CTCPTMLS ngày 12/03/2020. Hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 2301/2019-HĐCVHM/NHCT200-CTCPTMUONGMAILS ngày 23/01/2019, theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I hợp đồng này. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại Phụ Lục I và ngày điều chỉnh lãi suất là ngày 25. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn cho từng khoản vay tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016/HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/CB091872 ngày 16/06/2016. Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB091872 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06/10/2015; Số vào sổ cấp GCN: CT 03311; Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028, giá trị thế chấp là 6.400.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

- (*) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016/HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/BP195251 ngày 16/06/2016. Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP195251 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 11/02/2014; Số vào sổ cấp GCN: CT 02313; Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028, giá trị thế chấp là 2.600.000.000 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN31/0909/2013/HĐTC ngày 09/09/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với 19 quyền sử dụng đất (chi tiết theo Phụ lục thế chấp), giá trị thế chấp là 1.305.807.123 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp hàng hoá số LN31-3110/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLA/HHLC ngày 31/10/2016. Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho bao gồm: Hàng đang ở trong kho, hàng ngoài kho (hàng đang đi đường, hàng được gửi tại các đại lý, cửa hàng....), hàng hình thành trong tương lai. Giá trị của tài sản thế chấp là 1 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số LN31/3110/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/QTS ngày.../.../2016. Tài sản thế chấp là toàn bộ các quyền đòi nợ luân chuyển đối với các bên có nghĩa vụ thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh. Giá trị của tài sản thế chấp là 1 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0412/2019/HĐBĐ/NHCT200-AD 277445 ngày 05/12/2019 giữa ông Nguyễn Trọng Tuyến với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn. Tài sản được thế chấp là 1/2 diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD277445 do UBND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2008; Số vào sổ cấp GCN: H 00163; Thời gian sử dụng đến 31/12/2068, giá trị thế chấp là 9.450.000.000 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0412/2019/HĐBĐ/NHCT200-BB 177665 ngày 05/12/2019 giữa ông Nguyễn Trọng Tuyến với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn. Tài sản được thế chấp là 1/2 diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB177665 do UBND huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/08/2010; Số vào sổ cấp GCN: CH 00202; Thời gian sử dụng đến 31/12/2068, giá trị thế chấp là 6.705.000.000 đồng.
- (*) Hợp đồng thế chấp hàng hoá số LN31-3110/2016-HĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/HHLC ngày 31/10/2016. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng tồn kho bao gồm hàng đang ở trong kho, hàng ngoài kho (hàng đang đi đường, hàng được gửi tại các đại lý, cửa hàng...., hàng hình thành trong tương lai.
- (**) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2021/704681/HĐTD ngày 20/01/2021 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó ngân hàng cho vay số tiền 11.350.000.000 đồng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 21/01/2021, lãi suất kỳ đầu là 8,5%, lãi suất chậm trả là 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay thanh toán tiền mua hạt đậu tương.
- (**) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 03/2019/704681/HĐBĐ ngày 01/06/2019. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số Bìa BA 896323, số vào sổ cấp GCN: CT00194 do UBND tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 30/08/2010. Thời gian sử dụng đến tháng 01/2028 và có giá trị thế chấp là 1.073.800.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

(**) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2019/704681/HĐBĐ ngày 05/06/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765684, số vào sổ cấp GCN: CT-04352 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17/01/2019. Thời gian sử dụng đến 08/11/2037, giá trị thế chấp là 2.311.300.000 đồng.

(**) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2019/704681/HĐBĐ ký ngày 05/06/2019. Tài sản thế chấp là "Trung tâm cung cấp thiết bị máy NN và nước sạch nông thôn LS; Nhà bán hàng và Kho" gắn liền với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765615, số vào sổ cấp GCN: CT04301 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/12/2018. Thời gian sử dụng đến 08/11/2037, giá trị thế chấp là 5.992.700.000 đồng.

(1) Hợp đồng vay vốn số ngày 01/05/2021 giữa Ông Hoàng Hữu An và Chi nhánh Văn Quan, bên vay số tiền 2.100.000.000 đồng, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất 0%, thời gian vay là từ 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng tại ngày 31/12/2021 như sau:

(**) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/704681/HĐTD ngày 25/02/2020 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó Ngân hàng cấp cho vay số tiền là 1.141.022.000 đồng, thời gian 36 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất kỳ đầu 11,5% sau đó áp dụng theo lãi suất thả nổi theo thông báo lãi suất tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay thanh toán khối lượng thi công xây dựng công trình "Cửa hàng thương mại Chi nhánh Công ty CP Thương mại Lạng Sơn tại huyện Bình Gia" hạng mục: Nhà xây mới, nhà cải tạo. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(**) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/704681/HĐBĐ ngày 27/03/2020. Tài sản thế chấp là Cửa hàng thương mại tại huyện Bình Gia, địa chỉ Khu 2 trị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Được gắn liền với quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765612, số vào sổ cấp GCN: CT04304 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20/11/2018. Thời gian sử dụng đến 15/08/2026, giá trị tài sản thế chấp là 1.855.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng		
		trả nợ						trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	475.851.666	475.851.666	475.851.666		
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	-	-	-	475.851.666	475.851.666	475.851.666		
Vay dài hạn cá nhân	-	-	-	-	-	-		
Cộng	-	-	-	475.851.666	475.851.666	475.851.666		

(*) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/704681/HĐTD ngày 25/02/2020 giữa Công ty với BIDV - CN Lạng Sơn, Ngân hàng cấp cho vay số tiền là 1.141.022.000 đồng thời gian 36 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất kỳ đầu 11,5%, sau đó áp dụng theo lãi suất thả nổi theo thông báo lãi suất tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay thanh toán khối lượng thi công xây dựng công trình "Cửa hành thương mại Chi nhánh Công ty tại huyện Bình Gia", hạng mục: Nhà xây mới, nhà cải tạo. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

(*) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2020/704681/HĐBĐ ngày 27/03/2020. Tài sản thế chấp là Cửa hàng thương mại tại huyện Bình Gia, địa chỉ Khu 2 trị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa CP765612, số vào sổ cấp GCN: CT04304 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20/11/2018. Thời gian sử dụng đến 15/08/2026, giá trị tài sản thế chấp là 1.855.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LN sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
1. Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	4.814.406.927	199.806.194	(1.195.411.825)	18.818.801.296	
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	(21.997.390.548)	(21.997.390.548)	
- Tăng điều chỉnh LN (*)	-	-	-	53.589.212	53.589.212	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	
2. Số dư cuối năm trước	15.000.000.000	4.814.406.927	199.806.194	(23.139.213.161)	(3.125.000.040)	
3. Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	4.814.406.927	199.806.194	(23.139.213.161)	(3.125.000.040)	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	8.425.540.405	8.425.540.405	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Tăng điều chỉnh LN (*)	-	-	-	-	-	
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	
4. Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	4.814.406.927	199.806.194	(14.713.672.756)	5.300.540.365	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 05: Nợ xấu

Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn	42.401.864.536	-	42.580.864.536	12.774.259.361	
+ Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	3.130.856.500	-	3.130.856.500	-	
+ Công ty TNHH Lâm sản Thành An (tên cũ là Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN)	14.474.560.000	-	14.869.560.000	-	
+ Hoàng Thị Bích	9.505.000	-	9.505.000	-	
+ Nguyễn Thị Lệ Tĩnh	26.485.000	-	26.485.000	-	
+ Hoàng Thị Bích Ngọc	5.589.000	-	5.589.000	-	
+ Đối tượng khác	44.782.546	-	44.782.546	13.434.764	
+ Hợp tác xã Thăng Long	5.781.460.988	1.734.438.296	-	-	
+ Phòng CSGT tỉnh Lạng Sơn	197.431.677	-	197.431.677	59.229.503	
+ Công ty TNHH Long Tuấn	86.704.421	-	86.704.421	26.011.326	
+ Công ty TNHH Hoàng Thọ	191.306.821	-	191.306.821	57.392.046	
+ Viettel tỉnh Lạng Sơn	29.004.600	-	29.004.600	8.701.380	
+ Công ty Hà Đức	56.881.150	-	56.881.150	17.064.345	
+ Công ty Cổ phần Thái Phát	-	-	34.288.890	17.144.445	
+ Công ty Vật tư Lạng Sơn tại Văn quan	-	-	20.000.000	10.000.000	
Cộng	66.436.432.239	1.734.438.296	61.283.260.141	12.983.237.170	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SON

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục 06: Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Đơn vị tính: VND
Năm trước					
Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	169.241.345	-	24.000.000	193.241.345
Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc	140.863.636	-	24.000.000	164.863.636
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc	159.509.032	-	24.000.000	183.509.032
Lâm Phi Khanh	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đình Văn Thành	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	Trưởng BKS	98.098.302	-	13.200.000	111.298.302
Ông Lục Văn Đồng	Thành viên BKS	-	-	13.200.000	13.200.000
Bà Ma Thị Xuyên	Thành viên BKS	-	-	4.000.000	4.000.000
Bà Vy Thị Vân	Thành viên BKS	83.163.780	-	5.600.000	88.763.780
Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng	144.639.030	-	-	144.639.030
Cộng Năm trước		795.515.125	-	156.000.000	951.515.125
Năm nay					
Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	151.737.743	-	24.000.000	175.737.743
Ông Đặng Trung Lập	Tổng Giám đốc	126.000.000	-	24.000.000	150.000.000
Ông Ngô Huy	Phó Tổng Giám đốc	139.844.608	-	24.000.000	163.844.608
Lâm Phi Khanh	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đình Văn Thành	Thành viên HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	Trưởng BKS	71.505.776	-	16.800.000	88.305.776
Bà Vy Thị Vân	Thành viên BKS	83.163.780	-	9.600.000	92.763.780
Bà Hoàng Minh Thiện	Thành viên BKS	7.292.895	-	800.000	8.092.895
Ông Lục Văn Đồng	Thành viên BKS	-	-	8.800.000	8.800.000
Ông Nông Kim Tiến	Kế toán trưởng	121.381.486	-	-	121.381.486
Cộng Năm nay		700.926.288	-	156.000.000	856.926.288